



**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**
*BANK FOR INVESTMENT AND
DEVELOPMENT OF VIETNAM, JSC.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 6283/BIDV-TTĐVKH
Vv CBTT định kỳ về tình hình thanh toán
gốc, lãi trái phiếu
*Re: periodically information disclosure on
bond's principal and interest payments*

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 28th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ **PERIODICALLY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- *State Securities Commission;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam/*Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC.* (BIDV)

- Mã chứng khoán/*Stock code*: BID
- Địa chỉ/*Address*: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội/*BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai road, Hoan Kiem ward, Ha Noi*
- Điện thoại liên hệ/*Tel*: (84-24) 2220 5544 Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố thông tin định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu do BIDV phát hành kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2026 như đính kèm.

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) announced periodic report on bond issued by BIDV's principal and interest payments for the first - half of 2026 reporting period as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của ngân hàng vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn <https://www.bidv.com.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu>/This information was published on the bank's website on 29/07/2026, as in the links <https://www.bidv.com.vn/en/quan-he-nha-dau-tu>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.* *Qy2*

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/*As above;*

- Lưu: TK&QHCD,

TTDVKH, VP/

Archive: Secretariat &

Investor Relations, Customer

Service Center, BIDV Office.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

***PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION***

SENIOR EXECUTIVE VICE PRESIDENT



Trần Long

Số: 28263/BC-BIDV

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 28th, 2026

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

To:

- State Securities Commission;
- Vietnam Stock Exchange;
- Hanoi Stock Exchange.
- Ho Chi Minh Stock Exchange;

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

STT (No.)	Mã trái phiếu (Bond code)	Kỳ hạn (năm) Period (years)	Ngày phát hành (Issue date)	Ngày đáo hạn (Maturity date)	Số dư đầu kỳ (VND) (Opening balance)		Thanh toán trong kỳ (VND) (Payment during the period)		Dư nợ cuối kỳ (VND) (Closing balance)	
					Gốc (Principal)	Lãi (Interest)	Gốc (Principal)	Lãi (Interest)	Gốc (Principal)	Lãi (Interest)
1	BID123003	8	16/01/2023	16/01/2031	100.000.000	-	100.000.000	6.080.000	-	-
2	BID123004	10	16/01/2023	16/01/2033	300.000.000.000	-	-	18.540.000.000	300.000.000.000	-
3	BID122005	10	25/01/2022	25/01/2032	157.027.200.000	-	-	8.919.144.960	157.027.200.000	-
Tổng/Total					457.127.200.000	-	100.000.000	27.465.224.960	457.027.200.000	-

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

Loại nhà đầu tư (Type of investors)	Dư nợ đầu kỳ (Opening balance)		Thay đổi trong kỳ (Changes during the period)		Dư nợ cuối kỳ (Closing balance)	
	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	456.127.200.000	99,78	4.646.206.100.000	(0,19)	5.102.333.300.000	99,59
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	370.000.000.000	80,94	2.512.044.400.000	(24,69)	2.882.044.400.000	56,25
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư /Investment funds	-	-	-	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/Securities companies	-	-	1.191.556.600.000	23,26	1.191.556.600.000	23,26
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	300.000.000.000	65,63	-	(59,77)	300.000.000.000	5,86
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	70.000.000.000	15,31	1.320.487.800.000	11,83	1.390.487.800.000	27,14
2. Nhà đầu tư cá nhân/Individual investors	86.127.200.000	18,84	2.134.161.700.000	24,50	2.220.288.900.000	43,34
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors	1.000.000.000	0,22	20.090.000.000	0,19	21.090.000.000	0,41
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	-	-	-	-	-	-
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư /Investment funds	-	-	-	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/Securities companies	-	-	-	-	-	-
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	-	-	-	-	-	-
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	-	-	-	-	-	-
2. Nhà đầu tư cá nhân/Individual investors	1.000.000.000	0,22	20.090.000.000	0,19	21.090.000.000	0,41
Tổng/Total	457.127.200.000	100,00	4.666.296.100.000	-	5.123.423.300.000	100

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.

Ghi chú/Note:

- Dữ liệu báo cáo là dữ liệu trái phiếu BIDV phát hành ra công chúng/Reported data pertains to bond issued by BIDV to the public. /.

Nơi nhận (...b):

Recipients:

- Như trên/as above ;

- Lưu: TTDVKH, VP

/Archived: Customer

Service Center, BIDV

Office

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

By order of Chief Executive Officer

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

For Senior Vice President/Head, H.O Customer Service Center

PHÓ GIÁM ĐỐC

Senior Vice President/Head, H.O Customer Service Center



Bùi Thị Hương

**JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No: 28262/BIDV-TTĐVKH

Hanoi, July 28th, 2026

Re: Periodic information disclosure on payment of principal
and interest of privately issued bonds

To: Hanoi Stock Exchange

Pursuant to Circular No. 76/2024/TT-BTC dated November 6, 2024 of the Ministry of Finance guiding information disclosure and reporting on the offering and trading of privately issued corporate bonds in the domestic market and offering corporate bonds to the international market, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam hereby submits information disclosure regarding the payment of bond principal and interest for the first 6 months of 2026 as follows:

1. Corporate Information:

- Company name: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- Abbreviated name: BIDV
- Enterprise Registration Certificate No.: 0100150619 issued for the first time by Hanoi Department of Planning and Investment on April 3, 1993, as amended from time to time.)
- Head office address: BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai, Hoan Kiem Ward, Hanoi City, Vietnam
- Telephone: (84-24) 2220 5544 | Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn
- Type of enterprise: Public company
- Main business sector: Credit/Banking
- Tax code: 0100150619

2. Periodic payment status of principal and interest on bonds of Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam:

- Reporting period: First 6 months of 2026 (from January 1, 2026 to June 30, 2026)

- Statistical date: June 30, 2026

(Data excludes payments for buybacks/swaps/conversions of bonds)

DETAILED PAYMENT TABLE

No	Bond code	Par value of issuance (VND)	Principal balance at par value at the end of statistical date	Interest payment / Principal payment	Nominal payment date	Scheduled payment date	Actual payment date	Interest rate paid in period (%/p,a)	Payable amount (VND) (1) = (2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case of late payment of principal or interest:			
											Late paid amount (3)	Unpaid amount (4)	Reason for late payment of principal/interest	Status of negotiation with investors on principal and interest payment (specify negotiation results)
1	BID12539	600,000,000,000	600,000,000,000	Interest	15/03/2026	16/03/2026	16/03/2026	6.26	18,625,644,000	18,625,644,000				
2	BID12206	200,000,000,000	200,000,000,000	Interest	06/05/2026	06/05/2026	06/05/2026	5.88	11,760,000,000	11,760,000,000				
3	BID12404	950,000,000,000	-	Interest	10/05/2026	11/05/2026	11/05/2026	5.78	55,060,438,200	55,060,438,200				
4	BID12501	780,000,000,000	780,000,000,000	Interest	15/05/2026	15/05/2026	15/05/2026	5.68	44,304,000,000	44,304,000,000				
5	BID12502	305,000,000,000	305,000,000,000	Interest	15/05/2026	15/05/2026	15/05/2026	5.83	17,781,500,000	17,781,500,000				

No	Bond code	Par value of issuance (VND)	Principal balance at par value at the end of statistical date	Interest payment / Principal payment	Nominal payment date	Scheduled payment date	Actual payment date	Interest rate paid in period (%/p,a)	Payable amount (VND) (1) = (2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case of late payment of principal or interest:			
											Late paid amount (3)	Unpaid amount (4)	Reason for late payment of principal/interest	Status of negotiation with investors on principal and interest payment (specify negotiation results)
6	BID12503	173,000,000,000	173,000,000,000	Interest	15/05/2026	15/05/2026	15/05/2026	5.90	10,207,000,000	10,207,000,000				
7	BID12504	1,100,000,000,000	1,100,000,000,000	Interest	16/05/2026	18/05/2026	18/05/2026	5.68	62,480,000,000	62,480,000,000				
8	BID12505	2,200,000,000,000	2,200,000,000,000	Interest	16/05/2026	18/05/2026	18/05/2026	5.83	128,260,000,000	128,260,000,000				
9	BID12506	1,200,000,000,000	1,200,000,000,000	Interest	20/05/2026	20/05/2026	20/05/2026	6.26	37,251,288,000	37,251,288,000				
10	BID12507	53,000,000,000	53,000,000,000	Interest	20/05/2026	20/05/2026	20/05/2026	5.68	3,010,400,000	3,010,400,000				
11	BID12508	355,000,000,000	355,000,000,000	Interest	20/05/2026	20/05/2026	20/05/2026	5.83	20,696,500,000	20,696,500,000				
12	BID12116	800,000,000,000	800,000,000,000	Interest	21/05/2026	21/05/2026	21/05/2026	6.90	55,200,000,000	55,200,000,000				
13	BID12405	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	Interest	21/05/2026	21/05/2026	21/05/2026	6.50	65,000,000,000	65,000,000,000				

No	Bond code	Par value of issuance (VND)	Principal balance at par value at the end of statistical date	Interest payment / Principal payment	Nominal payment date	Scheduled payment date	Actual payment date	Interest rate paid in period (%/p,a)	Payable amount (VND) (1) = (2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case of late payment of principal or interest:			
											Late paid amount (3)	Unpaid amount (4)	Reason for late payment of principal/interest	Status of negotiation with investors on principal and interest payment (specify negotiation results)
		0,000,000	0,000,000											
14	BID12406	245,000,000,000	-	Interest	22/05/2026	22/05/2026	22/05/2026	5.78	14,161,000,000	14,161,000,000				
15	BID12407	50,000,000,000	50,000,000,000	Interest	22/05/2026	22/05/2026	22/05/2026	5.93	2,965,000,000	2,965,000,000				
16	BID12408	50,000,000,000	-	Interest	24/05/2026	25/05/2026	25/05/2026	5.78	2,897,917,800	2,897,917,800				
17	BID12409	300,000,000,000	300,000,000,000	Interest	24/05/2026	25/05/2026	25/05/2026	5.93	17,790,000,000	17,790,000,000				
18	BID12509	1,500,000,000,000	1,500,000,000,000	Interest	26/05/2026	26/05/2026	26/05/2026	5.68	85,200,000,000	85,200,000,000				
19	BID12510	238,000,000,000	238,000,000,000	Interest	26/05/2026	26/05/2026	26/05/2026	5.68	13,518,400,000	13,518,400,000				
20	BID2_RL20,14	500,000,000,000	500,000,000,000	Interest	26/05/2026	26/05/2026	26/05/2026	7.95	39,750,000,000	39,750,000,000				

No	Bond code	Par value of issuance (VND)	Principal balance at par value at the end of statistical date	Interest payment / Principal payment	Nominal payment date	Scheduled payment date	Actual payment date	Interest rate paid in period (%/p,a)	Payable amount (VND) (1) = (2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case of late payment of principal or interest:			
											Late paid amount (3)	Unpaid amount (4)	Reason for late payment of principal/interest	Status of negotiation with investors on principal and interest payment (specify negotiation results)
21	BID12511	150,000,000,000	150,000,000,000	Interest	27/05/2026	27/05/2026	27/05/2026	5.83	8,745,000,000	8,745,000,000				
22	BID12512	100,000,000,000	100,000,000,000	Interest	27/05/2026	27/05/2026	27/05/2026	6.30	6,300,000,000	6,300,000,000				
23	BID12410	700,000,000,000	-	Interest	28/05/2026	28/05/2026	28/05/2026	5.78	40,460,000,000	40,460,000,000				
24	BID12411	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000	Interest	29/05/2026	29/05/2026	29/05/2026	5.88	117,600,000,000	117,600,000,000				
25	BID12513	3,000,000,000,000	3,000,000,000,000	Interest	29/05/2026	29/05/2026	29/05/2026	5.83	86,731,233,000	86,731,233,000				
26	BID12412	200,000,000,000	200,000,000,000	Interest	30/05/2026	01/06/2026	01/06/2026	6.50	13,000,000,000	13,000,000,000				
27	BID12413	50,000,000,000	-	Interest	30/05/2026	01/06/2026	01/06/2026	5.78	2,905,835,600	2,905,835,600				
28	BID12414	100,000,000,000	100,000,000,000	Interest	30/05/2026	01/06/2026	01/06/2026	6.50	6,500,000,000	6,500,000,000				

No	Bond code	Par value of issuance (VND)	Principal balance at par value at the end of statistical date	Interest payment / Principal payment	Nominal payment date	Scheduled payment date	Actual payment date	Interest rate paid in period (%/p,a)	Payable amount (VND) (1) = (2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case of late payment of principal or interest:			
											Late paid amount (3)	Unpaid amount (4)	Reason for late payment of principal/interest	Status of negotiation with investors on principal and interest payment (specify negotiation results)
29	BID12514	600,000,000,000	600,000,000,000	Interest	05/06/2026	05/06/2026	05/06/2026	5.68	34,080,000,000	34,080,000,000				
30	BID12415	3,500,000,000,000	3,500,000,000,000	Interest	07/06/2026	08/06/2026	08/06/2026	6.08	212,800,000,000	212,800,000,000				
31	BID12515	250,000,000,000	250,000,000,000	Interest	10/06/2026	10/06/2026	10/06/2026	5.68	14,200,000,000	14,200,000,000				
32	BID12516	85,000,000,000	85,000,000,000	Interest	10/06/2026	10/06/2026	10/06/2026	5.90	5,015,000,000	5,015,000,000				
33	BID12517	200,000,000,000	200,000,000,000	Interest	10/06/2026	10/06/2026	10/06/2026	5.83	11,660,000,000	11,660,000,000				
34	BID12518	360,000,000,000	360,000,000,000	Interest	13/06/2026	15/06/2026	15/06/2026	5.68	20,448,000,000	20,448,000,000				
35	BID12519	850,000,000,000	850,000,000,000	Interest	13/06/2026	15/06/2026	15/06/2026	5.68	48,280,000,000	48,280,000,000				
36	BID12520	202,000,000,000	202,000,000,000	Interest	13/06/2026	15/06/2026	15/06/2026	5.83	11,776,600,000	11,776,600,000				

No	Bond code	Par value of issuance (VND)	Principal balance at par value at the end of statistical date	Interest payment / Principal payment	Nominal payment date	Scheduled payment date	Actual payment date	Interest rate paid in period (%/p,a)	Payable amount (VND) (1) = (2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case of late payment of principal or interest:			
											Late paid amount (3)	Unpaid amount (4)	Reason for late payment of principal/interest	Status of negotiation with investors on principal and interest payment (specify negotiation results)
37	BID12416	720,000,000,000	-	Interest	17/06/2026	17/06/2026	17/06/2026	5.78	41,616,000,000	41,616,000,000				
38	BID12417	150,000,000,000	150,000,000,000	Interest	17/06/2026	17/06/2026	17/06/2026	5.88	8,820,000,000	8,820,000,000				
39	BID12243	14,000,000,000	14,000,000,000	Interest	22/06/2026	22/06/2026	22/06/2026	5.68	795,200,000	795,200,000				
40	BID12521	260,000,000,000	260,000,000,000	Interest	20/06/2026	22/06/2026	22/06/2026	5.68	14,768,000,000	14,768,000,000				
41	BID12522	122,000,000,000	122,000,000,000	Interest	20/06/2026	22/06/2026	22/06/2026	5.83	7,112,600,000	7,112,600,000				
42	BID12523	100,000,000,000	100,000,000,000	Interest	20/06/2026	22/06/2026	22/06/2026	5.68	5,680,000,000	5,680,000,000				
43	BID12117	120,000,000,000	120,000,000,000	Interest	23/06/2026	23/06/2026	23/06/2026	6.90	8,280,000,000	8,280,000,000				
44	BID12524	150,000,000,000	150,000,000,000	Interest	24/06/2026	24/06/2026	24/06/2026	5.83	8,745,000,000	8,745,000,000				

No	Bond code	Par value of issuance (VND)	Principal balance at par value at the end of statistical date	Interest payment / Principal payment	Nominal payment date	Scheduled payment date	Actual payment date	Interest rate paid in period (%/p,a)	Payable amount (VND) (1) = (2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case of late payment of principal or interest:			
											Late paid amount (3)	Unpaid amount (4)	Reason for late payment of principal/interest	Status of negotiation with investors on principal and interest payment (specify negotiation results)
45	BID12525	135,000,000,000	135,000,000,000	Interest	24/06/2026	24/06/2026	24/06/2026	5.68	7,668,000,000	7,668,000,000				
46	BID12559	800,000,000,000	800,000,000,000	Interest	24/06/2026	24/06/2026	24/06/2026	6.68	26,646,794,400	26,646,794,400				
47	BID12560	200,000,000,000	200,000,000,000	Interest	24/06/2026	24/06/2026	24/06/2026	6.68	6,661,698,600	6,661,698,600				
48	BID12119	5,000,000,000	-	Interest	25/06/2026	25/06/2026	25/06/2026	5.68	284,000,000	284,000,000				
49	BID2_RL2 0,35	230,000,000,000	230,000,000,000	Interest	25/06/2026	25/06/2026	25/06/2026	7.70	17,710,000,000	17,710,000,000				
50	BID12418	400,000,000,000	400,000,000,000	Interest	26/06/2026	26/06/2026	26/06/2026	5.93	23,720,000,000	23,720,000,000				
51	BID12121	50,000,000,000	50,000,000,000	Interest	29/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	6.90	3,450,000,000	3,450,000,000				
52	BID12246	200,000,000,000	200,000,000,000	Interest	29/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5.98	11,960,000,000	11,960,000,000				

No	Bond code	Par value of issuance (VND)	Principal balance at par value at the end of statistical date	Interest payment / Principal payment	Nominal payment date	Scheduled payment date	Actual payment date	Interest rate paid in period (%/p,a)	Payable amount (VND) (1) = (2)+(3)+(4)	Amount paid on time (VND) (2)	In case of late payment of principal or interest:			
											Late paid amount (3)	Unpaid amount (4)	Reason for late payment of principal/interest	Status of negotiation with investors on principal and interest payment (specify negotiation results)
53	BID12419	180,000,000,000	-	Interest	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5.78	10,461,008,160	10,461,008,160				
54	BID12420	150,000,000,000	150,000,000,000	Interest	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5.93	8,895,000,000	8,895,000,000				
55	BID12526	367,000,000,000	367,000,000,000	Interest	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5.68	20,845,600,000	20,845,600,000				
56	BID12527	150,000,000,000	150,000,000,000	Interest	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5.94	8,908,931,550	8,908,931,550				
57	BID12528	150,000,000,000	150,000,000,000	Interest	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5.83	8,745,000,000	8,745,000,000				
60	BID12531	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000	Interest	30/06/2026	30/06/2026	30/06/2026	5.88	117,600,000,000	117,600,000,000				
TOTAL		32,299,000,000,000.00	29,399,000,000,000.00						1,759,972,164,710	1,759,972,164,710				

We commit to taking full legal responsibility for the content, accuracy, and completeness of the disclosed information above.

Recipients:

- As above;
- Archived at Customer Service Center.
Office

PREPARED BY

(Signed)

Tran Nhu Quynh

**FOR THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER
FOR DIRECTOR OF CUSTOMER SERVICE CENTER
DEPUTY DIRECTOR**

(Signed and Sealed)

BUI THI HUONG